

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 23; khoản 4 Điều 33; khoản 3 Điều 40; khoản 4 Điều 45; khoản 3 Điều 63 và khoản 4 Điều 81 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm các nội dung sau:

1. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư; phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình; biểu quyết trực tuyến tại thôn, tổ dân phố để Nhân dân bàn và quyết định; quy trình bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư.

2. Tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn; của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

3. Tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị; ở doanh nghiệp nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với công dân Việt Nam cư trú tại xã, phường, thị trấn, tại thôn, tổ dân phố nơi mình cư trú; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và người lao động tại các doanh nghiệp nhà nước.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện dân chủ ở cơ sở tại xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tại các doanh nghiệp nhà nước.

Chương II

TỔ CHỨC CUỘC HỌP CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ; PHÁT PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỦA HỘ GIA ĐÌNH; BIỂU QUYẾT TRỰC TUYẾN TẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ ĐỂ NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH; QUY TRÌNH BẦU, CHO THÔI LÀM TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ; HỘI NGHỊ ĐỊNH KỲ CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Mục 1. TỔ CHỨC CUỘC HỌP CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ; PHÁT PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỦA HỘ GIA ĐÌNH VÀ BIỂU QUYẾT TRỰC TUYẾN TẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ ĐỂ NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH

Điều 3. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để Nhân dân bàn và quyết định

1. Thẩm quyền triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư
 - a) Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố triệu tập và chủ trì tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để Nhân dân bàn và quyết định những nội dung được quy định tại Điều 15 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.
 - b) Tổ bầu cử triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.
 - c) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng Ban công tác Mặt trận tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.
 - d) Đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố hoặc triệu tập viên là công dân có uy tín cư trú tại thôn, tổ dân phố triệu tập và tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư theo chỉ định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong trường hợp khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.
 - đ) Thành viên Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố hoặc một công dân có uy tín cư trú tại cụm dân cư chủ trì, điều hành cuộc họp của cụm dân cư khi được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố ủy quyền và báo cáo kết quả với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để tổng hợp vào kết quả chung của toàn thôn, tổ dân phố.
2. Thành phần tham dự cuộc họp của cộng đồng dân cư được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 18 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.
3. Cuộc họp của cộng đồng dân cư được thông báo đến thành phần tham dự ít nhất trước 02 ngày tổ chức cuộc họp bằng một trong các hình thức sau: Giấy mời, thông báo trực tiếp đến từng hộ gia đình qua hệ thống truyền thanh của thôn, tổ dân phố; điện thoại, các ứng dụng mạng xã hội hoạt động hợp pháp do thôn, tổ dân phố thống nhất thiết lập và được niêm yết công khai tại nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn, tổ dân phố.

Thông báo phải thể hiện rõ thời gian, địa điểm, thành phần, nội dung cuộc họp, đầu mối liên hệ thông tin về cuộc họp và những yêu cầu cụ thể đối với người tham dự cuộc họp (nếu có). Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp phải thuận lợi, phù hợp điều kiện thực tế để cộng đồng dân cư tham gia đầy đủ.

(Mẫu số 01 - Giấy mời kèm theo Nghị định này).

4. Tài liệu để đưa ra cộng đồng dân cư bàn và quyết định phải được chuẩn bị trước khi tổ chức cuộc họp. Đối với các nội dung thuộc khoản 1, 2, 3 Điều 15 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở thì tài liệu cuộc họp phải được gửi đến từng hộ gia đình, cá nhân liên quan trước ít nhất 02 ngày bằng hình thức trực tiếp hoặc các ứng dụng mạng xã hội hoạt động hợp pháp do thôn, tổ dân phố thống nhất thiết lập.

5. Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư

a) Người chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư theo quy định tại khoản 1 Điều này tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; thông qua chương trình cuộc họp; giới thiệu người đề cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký cuộc họp. Thư ký cuộc họp được quyết định khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp giơ tay biểu quyết đồng ý.

Căn cứ nội dung cụ thể của từng cuộc họp, người chủ trì hoặc người được phân công công bố các quyết định, văn bản liên quan theo chương trình cuộc họp.

b) Người tham dự cuộc họp thảo luận về những nội dung được người chủ trì hoặc người được phân công trình bày.

Đối với cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn thì Đại diện Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách người ứng cử do Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đã thống nhất với chi ủy chi bộ thôn, tổ dân phố và đề nghị đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp tự ứng cử hoặc đề cử người có đủ tiêu chuẩn điều kiện để tham gia bầu.

Kết thúc thảo luận, người chủ trì cuộc họp tổng hợp các ý kiến thảo luận, đề xuất những nội dung cần được biểu quyết và phương án biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín để người tham dự biểu quyết lựa chọn. Phương án được lựa chọn khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp giơ tay biểu quyết đồng ý.

c) Biểu quyết đối với những nội dung đã được thảo luận

Đối với hình thức biểu quyết giơ tay, kết quả biểu quyết được kiểm đếm ngay tại thời điểm biểu quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp.

Đối với hình thức biểu quyết bỏ phiếu kín, người chủ trì cuộc họp đề xuất số lượng và danh sách Ban kiểm phiếu để những người tham dự cuộc họp biểu quyết bằng hình thức giơ tay. Thành viên Ban kiểm phiếu được quyết định khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp giơ tay biểu quyết đồng ý.

Ban kiểm phiếu hướng dẫn thể lệ, cách ghi phiếu, bỏ phiếu và tiến hành phát phiếu.

Ngay sau khi kết thúc cuộc bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu, đồng thời lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: Tổng số đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố; số đại diện hộ gia đình tham gia cuộc họp; số phiếu phát ra; số phiếu thu về; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu; kết quả biểu quyết (tỷ lệ số đại diện hộ gia đình biểu quyết so với tổng số đại diện hộ gia đình toàn thôn, tổ dân phố). Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản, có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu. Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp.

(Mẫu 02 - Biên bản kiểm phiếu kèm theo Nghị định này)

d) Người chủ trì cuộc họp công bố kết quả biểu quyết đối với từng nội dung biểu quyết và kết luận cuộc họp. Kết luận cuộc họp được thể hiện bằng các hình thức văn bản: nghị quyết, biên bản cuộc họp, bản ghi nhớ, bản thỏa thuận của cộng đồng dân cư trong đó thể hiện rõ nội dung quyết định của cộng đồng dân cư.

Trường hợp cuộc họp bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì người trúng cử ra mắt cuộc họp. Nếu không xác định được người trúng cử thì nêu rõ lý do không bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong hồ sơ cuộc họp để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc tổ chức bầu lại.

Người chủ trì cuộc họp có trách nhiệm chỉ đạo việc hoàn thiện hồ sơ cuộc họp lưu tại thôn, tổ dân phố và gửi quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

(Mẫu 03 - Kết luận cuộc họp kèm theo Nghị định này)

Điều 4. Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình

1. Các trường hợp tổ chức phát phiếu lấy ý kiến

a) Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn cấp xã do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định lựa chọn hình thức phát phiếu lấy ý kiến.

b) Các nội dung được quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 15 của Luật đã được tổ chức cuộc họp tại cộng đồng dân cư nhưng số lượng đại diện hộ gia đình tham dự dưới 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

c) Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi thôn, tổ dân phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức; việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác.

Các nội dung trên chỉ được tổ chức phát phiếu lấy ý kiến sau khi được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố quyết định lựa chọn hình thức phát phiếu lấy ý kiến và thống nhất với Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố.

d) Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội mà sau khi thống nhất với Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố quyết định tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư nhưng số lượng đại diện hộ gia đình tham dự dưới 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

2. Xây dựng kế hoạch phát phiếu lấy ý kiến

Kế hoạch phát phiếu lấy ý kiến phải bảo đảm các nội dung chính sau: Mục đích, yêu cầu, nội dung lấy ý kiến, đối tượng tổ chức lấy ý kiến, thời gian, thời hạn lấy ý kiến, phân công tổ chức thực hiện, các điều kiện bảo đảm việc tổ chức lấy ý kiến.

3. Thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố quyết định thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến từ 03 đến 05 thành viên gồm đại diện thôn, tổ dân phố, Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, đại diện tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố.

4. Công khai thông tin phát phiếu lấy ý kiến

Việc công khai thông tin phát phiếu lấy ý kiến được niêm yết tại nhà văn hóa thôn, tổ dân phố, thông báo trực tiếp đến từng hộ gia đình qua hệ thống truyền thanh của thôn, tổ dân phố, điện thoại, các ứng dụng mạng xã hội hoạt động hợp pháp do thôn, tổ dân phố thống nhất thiết lập ít nhất 02 ngày trước ngày tổ chức phát phiếu lấy ý kiến. Nội dung thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

5. Phiếu lấy ý kiến

a) Tùy từng trường hợp cần phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quy định mẫu phiếu, hướng dẫn và ban hành mẫu phiếu.

b) Mẫu phiếu phải đảm bảo các nội dung sau: tiêu đề phiếu, nội dung lấy ý kiến, nội dung để hộ gia đình lựa chọn biểu quyết và được đánh theo hướng dẫn, ý kiến khác để hộ gia đình tham gia (nếu có) và thời hạn thu phiếu lấy ý kiến.

c) Phiếu lấy ý kiến phải được Ủy ban nhân dân cấp xã đóng dấu treo ở phía trên bên trái của phiếu.

6. Tiến hành phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình

a) Tổ phát phiếu tổ chức gửi phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến từng hộ gia đình, thu phiếu theo thời hạn đã được quy định trên mẫu phiếu; tổng hợp kết quả phát phiếu lấy ý kiến.

b) Kết quả phát phiếu lấy ý kiến được lập Biên bản gồm các nội dung: Số phiếu phát ra, số phiếu thu về; số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, số phiếu có ý kiến đồng ý (tỷ lệ phần trăm); số phiếu không đồng ý (tỷ lệ phần trăm), số phiếu có ý kiến khác (nếu có).

(Mẫu số 04 - Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến để Nhân dân bàn và quyết định kèm theo Nghị định này).

c) Đối với nội dung có phạm vi thực hiện trong thôn, tổ dân phố được thông qua khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố có ý kiến đồng ý và được gửi tới Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ khi kết thúc việc phát phiếu lấy ý kiến.

d) Đối với việc phát phiếu lấy ý kiến về nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã kết quả phiếu lấy ý kiến ở thôn, tổ dân phố để tổng hợp kết quả chung toàn cấp xã.

6. Công nhận kết quả phát phiếu lấy ý kiến và hiệu lực quyết định của cộng đồng dân cư thực hiện theo quy định tại Điều 21 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 5. Biểu quyết trực tuyến tại thôn, tổ dân phố để Nhân dân bàn và quyết định

1. Điều kiện tổ chức biểu quyết trực tuyến tại thôn, tổ dân phố

a) Các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 15 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố thống nhất không cần thiết tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư hoặc phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình.

b) Được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn.

c) Bảo đảm đại diện các hộ gia đình có thiết bị điện tử hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet để thực hiện biểu quyết trực tuyến và phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương.

2. Chuẩn bị biểu quyết trực tuyến

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố phối hợp với Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trước khi thực hiện.

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố thành lập Tổ lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến ít nhất 03 người gồm đại diện thôn, tổ dân phố, Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố, đại diện hộ gia đình và người sử dụng thành thạo về ứng dụng công nghệ thông tin tham gia tổ chức biểu quyết trực tuyến.

c) Tổ lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến tạo nhóm mạng xã hội hoạt động hợp pháp của thôn, tổ dân phố để mời đại diện hộ gia đình có thiết bị điện tử hoặc điện thoại thông minh tham gia; tạo bình chọn trong nhóm mạng xã hội của thôn, tổ dân phố để lấy ý kiến của đại diện hộ gia đình về hình thức biểu quyết trực tuyến.

Việc tổ chức biểu quyết trực tuyến được thực hiện khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố lựa chọn đồng ý bằng hình thức biểu quyết trực tuyến.

d) Tổ lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến tạo nội dung bình chọn gồm: Nội dung biểu quyết; hình thức biểu quyết (đồng ý, không đồng ý và ý kiến khác). Nội dung bình chọn phải ngắn gọn, xúc tích, rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thao tác.

3. Tiến hành biểu quyết trực tuyến

Tổ lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến thông báo cụ thể về hình thức, nội dung, thời gian biểu quyết trực tuyến và hướng dẫn đại diện các hộ gia đình truy cập nhóm mạng xã hội của thôn, tổ dân phố để thực hiện biểu quyết. Trường hợp đại diện hộ gia đình cần hỗ trợ thì liên hệ Tổ lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến để được hướng dẫn chi tiết.

4. Tổng hợp, báo cáo kết quả biểu quyết trực tuyến

a) Tổ lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến theo dõi, tổng hợp, báo cáo Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố kết quả tại thời điểm kết thúc biểu quyết trực tuyến gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc, số hộ gia đình tham gia biểu quyết, số hộ gia đình đồng ý, số hộ gia đình không đồng ý và các ý kiến khác về nội dung lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến.

Kết quả biểu quyết trực tuyến được niêm yết công khai tại nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn, tổ dân phố, thông báo trên hệ thống phát thanh, trên nhóm mạng xã hội của thôn, tổ dân phố thực hiện biểu quyết trực tuyến; đồng thời, gửi tới Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ khi kết thúc biểu quyết trực tuyến.

b) Kết quả biểu quyết trực tuyến được thông qua khi có trên 50% đại diện các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố lựa chọn đồng ý và được công khai trên nhóm mạng xã hội của thôn, tổ dân phố hoặc bằng các hình thức khác phù hợp với thực tế của thôn, tổ dân phố.

5. Trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sử dụng ứng dụng khác để biểu quyết trực tuyến thì trình tự thực hiện biểu quyết trực tuyến theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng và hướng dẫn sử dụng ứng dụng biểu quyết trực tuyến trên trang thông tin điện tử để các thôn, tổ dân phố lựa chọn và tổ chức biểu quyết trực tuyến đối với các nội dung Nhân dân bàn và quyết định trên địa bàn.

Mục 2. QUY TRÌNH BẦU, CHO THÔI LÀM TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 6. Công tác chuẩn bị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm

a) Ban hành quyết định tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ (mẫu phiếu, thể lệ...) và tổ chức triển khai kế hoạch chậm nhất 20 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

b) Ban hành quyết định thành lập Tổ bầu cử chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Tổ bầu cử gồm: Đại diện Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố làm Tổ trưởng; thành viên là đại diện các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội và đại diện hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố (không phải là người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố).

Các quyết định phải được thông báo đến Nhân dân ở thôn, tổ dân phố, niêm yết tại nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn, tổ dân phố và thông báo trên hệ thống truyền thanh hoặc bằng hình thức khác phù hợp với điều kiện của địa phương chậm nhất 7 ngày trước ngày bầu cử.

2. Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố có trách nhiệm

a) Tổ chức cuộc họp Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; báo cáo với chi ủy chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất giới thiệu ít nhất 1 người ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố gửi tới Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất 15 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư.

(Mẫu số 05 - Biên bản hiệp thương danh sách dự kiến người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố)

Điều 7. Tiến hành bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Việc tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố tại cuộc họp của cộng đồng dân cư được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định này.

Điều 8. Công nhận kết quả bầu

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Tổ trưởng tổ bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc quyết định bầu lại; trường hợp không ra quyết định công nhận hoặc quyết định bầu lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 9. Quy trình cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được quyết định tại cuộc họp của cộng đồng dân cư.

2. Trình tự tổ chức cuộc họp cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện theo khoản 5 Điều 3 Nghị định này.

3. Công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của người chủ trì cuộc họp, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp không ra quyết định công nhận kết quả cho thôi thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp cuộc họp không thống nhất biểu quyết cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày có quyết định công nhận cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc tiến hành bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng dân phố mới.

Trong thời gian khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

Mục 3. TỔ CHỨC HỘI NGHỊ ĐỊNH KỲ CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Điều 10. Công tác chuẩn bị tổ chức hội nghị định kỳ

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố xây dựng Kế hoạch tổ chức hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư.

2. Nội dung Kế hoạch tổ chức hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư gồm: Thời gian, địa điểm, nội dung hội nghị và tổ chức thực hiện.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác mặt trận ở thôn, tổ dân phố, Trưởng ban Thanh tra nhân dân trên địa bàn thôn, tổ dân phố trực tiếp hoặc phân công thành viên chuẩn bị báo cáo trình bày tại Hội nghị.

4. Kế hoạch tổ chức hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư được gửi tới Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn để báo cáo, thống nhất trước khi thực hiện.

Điều 11. Trình tự tổ chức hội nghị định kỳ

1. Triệu tập hội nghị định kỳ của thôn, tổ dân phố

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố thông báo triệu tập hội nghị định kỳ của thôn, tổ dân phố.

Thông báo triệu tập nêu rõ thời gian, địa điểm, nội dung tổ chức hội nghị định kỳ của thôn, tổ dân phố; thành phần triệu tập tham dự hội nghị.

b) Thành phần tham dự hội nghị định kỳ là đại diện của toàn thể các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố quyết định việc mời đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan dự hội nghị.

c) Thông báo triệu tập phải được gửi tới hộ gia đình chậm nhất 05 ngày trước ngày tổ chức hội nghị bằng văn bản hoặc thông qua mạng xã hội, hệ thống truyền thanh của thôn, tổ dân phố. Trường hợp đặc biệt, Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố thông báo trực tiếp tới đại diện hộ gia đình.

2. Trình tự tổ chức hội nghị định kỳ

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và nội dung hội nghị, giới thiệu thư ký hội nghị;

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố trình bày Báo cáo tổng kết hoạt động của thôn, tổ dân phố;

c) Đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố trình bày Báo cáo kết quả thực hiện dân chủ ở thôn, tổ dân phố;

d) Thành viên Ban Thanh tra nhân dân được bầu tại thôn, tổ dân phố trình bày Báo cáo kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân trên địa bàn thôn, tổ dân phố;

đ) Đại diện các hộ gia đình thảo luận, tham gia ý kiến, đề xuất, kiến nghị;

e) Thông tin, trao đổi, giải đáp thắc mắc, kiến nghị của cộng đồng dân cư đối với các nội dung thuộc thẩm quyền;

g) Thông qua các nội dung được trình bày tại Hội nghị;

h) Biểu dương cá nhân, hộ gia đình có thành tích trong việc thực hiện các hoạt động của cộng đồng dân cư;

i) Kết luận hội nghị.

Sau khi kết thúc hội nghị, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp kết quả tổ chức hội nghị định kỳ.

Chương III**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN
Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN; CỦA BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ
CỦA CỘNG ĐỒNG****Mục 1. TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN
DÂN Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN****Điều 12. Tổ chức của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn**

1. Thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn được cộng đồng dân cư bầu tại cuộc họp của cộng đồng dân cư theo quy định tại Điều 3 Nghị định này.

2. Số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn được xác định trên cơ sở số lượng thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã nhưng không ít hơn 05 thành viên. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định số lượng cụ thể thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn theo nguyên tắc bảo đảm mỗi thôn, tổ dân phố có đại diện tham gia là thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn.

3. Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Số lượng Phó Trưởng ban được xác định căn cứ vào số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn nhưng không quá 02 người.

Điều 13. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn

1. Tuân thủ theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

2. Khách quan, công khai, minh bạch; không được lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn để kích động, dụ dỗ, lôi kéo Nhân dân để thực hiện các hành vi trái pháp luật.

3. Quá trình tiến hành các hoạt động thanh tra phải bảo đảm công bằng, không ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng được kiểm tra, giám sát.

Điều 14. Phối hợp trong thực hiện hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn

1. Giữ mối quan hệ thường xuyên, chặt chẽ với Nhân dân để tiếp nhận kịp thời ý kiến phản ánh của Nhân dân.

2. Giữ mối liên hệ chặt chẽ với Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã để tiến hành giải quyết kịp thời phản ánh của Nhân dân theo thẩm

quyền hoặc báo cáo đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với các vụ việc được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao xác minh, Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thực hiện đúng phạm vi nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả xác minh; đồng thời, kiến nghị biện pháp xử lý.

3. Kiến nghị giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung Giám sát của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn có thể được phản ánh trực tiếp đến Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc thông qua Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Mục 2. TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

Điều 15. Tổ chức của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Việc bầu thành viên là đại diện Nhân dân tham gia Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được bầu tại cuộc họp của cộng đồng dân cư theo quy định tại Điều 3 Nghị định này.

2. Số lượng thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được xác định căn cứ vào quy mô của từng chương trình, dự án trên địa bàn nhưng không ít hơn 05 thành viên.

3. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Số lượng Phó Trưởng ban được xác định căn cứ vào số lượng thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng nhưng không quá 02 người.

Điều 16. Nguyên tắc hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Tuân thủ theo quy định của pháp luật;

2. Khách quan, công khai, minh bạch; bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; kịp thời, chặt chẽ, hiệu quả, không gây cản trở, ảnh hưởng đến việc triển khai, thực hiện chương trình, dự án.

3. Làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

Điều 17. Công tác phối hợp thực hiện hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Kết thúc mỗi giai đoạn của chương trình, dự án, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng mời đại diện chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án làm việc để trao đổi những thông tin, cần thiết phục vụ cho hoạt động giám sát.

2. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng liên hệ chặt chẽ với Nhân dân để nắm bắt thông tin do Nhân dân phản ánh, kịp thời báo cáo đến cơ quan có thẩm quyền; đồng thời, cung cấp thông tin về chương trình, dự án đến Nhân dân.

3. Định kỳ sau khi kết thúc mỗi giai đoạn của chương trình, dự án, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã kết quả giám sát.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN Ở CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ BAN THANH TRA NHÂN DÂN Ở DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Điều 18. Tổ chức của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị và Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước

1. Bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân

a) Thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị được bầu tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

b) Thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp được bầu tại hội nghị người lao động.

2. Số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân

Tùy theo vào tính chất đặc thù của mỗi cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động quyết định số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị; hội nghị người lao động quyết định số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước.

3. Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị, Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Số lượng Phó Trưởng ban của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị và Phó Trưởng ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước được xác định căn cứ vào số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân nhưng không quá 02 người.

Điều 19. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị và Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước

1. Tuân thủ theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

2. Bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch; mọi ý kiến, phản ánh của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được phản ánh trung thực đến người có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Nghiêm cấm mọi hành vi có tính chất đe dọa, trả thù, trù dập đối với thành viên Ban Thanh tra nhân dân và người có ý kiến phản ánh, kiến nghị.

Điều 20. Phối hợp trong thực hiện hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị và của Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước

1. Giữ mối quan hệ thường xuyên, chặt chẽ; lắng nghe, tiếp nhận ý kiến, phản ánh của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động để kịp thời giải quyết.

2. Giữ mối quan hệ chặt chẽ với Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước để kiến nghị giải quyết kịp thời phản ánh của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo thẩm quyền hoặc báo cáo đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với các vụ việc được Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp giao xác minh, Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan đơn vị và Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm thực hiện đúng phạm vi nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả xác minh; đồng thời, kiến nghị biện pháp xử lý.

3. Kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát có thể được phản ánh trực tiếp đến Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, Ban lãnh đạo, điều hành doanh nghiệp nhà nước, cá nhân có thẩm quyền hoặc thông qua Ban Chấp hành công đoàn tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Nghị định số 159/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân hết hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quy định về tổ chức, hoạt động và kinh phí hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành đến khi có quy định mới được ban hành.

2. Tổ chức của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị và Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước tiếp tục thực hiện cho đến khi tổ chức bầu nhiệm kỳ mới.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam;
- Văn phòng Chính phủ: Bộ trưởng Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm, Trợ lý Thủ tướng, Tổng Giám đốc Công thông tin điện tử, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHDP(5b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

UBND XÃ/PHƯỜNG....
THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Mẫu số 01/GM
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày tháng năm

GIẤY MỜI

Trân trọng kính mời ông (bà):.....
Về việc.....

1. Thời gian, địa điểm

a) Thời gian:

b) Địa điểm:

2. Thành phần

a) Chủ trì:

b) Thành viên:

3. Nội dung

Thôn (Tổ dân phố).... đề nghị ông (bà) bố trí thời gian tham gia đầy đủ, đúng thành phần.

TM. THÔN, TỔ DÂN PHỐ
TRƯỞNG THÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC...
BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN....

Mẫu số 2/BBKPB
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày tháng năm

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
(Về việc.....)

Hôm nay, vào hồi..... giờ.....phút,.....ngàythángnăm 202... , tại... Tổ bầu ...
Tổ kiểm phiếu gồm các ông (bà) có tên sau:

1. Ông (bà) Tổ trưởng
2. Ông (bà) Thư ký
3. Ông (bà) Thành viên
4. Ông (bà) Thành viên
5. Ông (bà) Thành viên

Đã tiến hành kiểm phiếu bầutrước khi Tổ kiểm phiếu mở hòm phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu tuyên bố kết thúc việc bỏ phiếu và mời đại diện 02 hộ gia đình không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu gồm:

1. Ông (bà).....
2. Ông (bà).....

Kết quả kiểm phiếu bầunhư sau :

- Tổng số đại diện hộ gia đình:..... người
- Số hộ gia đình có mặt tham gia bỏ phiếu:.....người, chiếm tỷ lệ %.
- Vắng người có lý do.
- Số phiếu phát ra : phiếu
- Số phiếu thu về : phiếu
- Số phiếu hợp lệ : phiếu
- Số phiếu không hợp lệ : phiếu

Kết quả cụ thể:

1. Ông (bà)đượcphiếu ; =%
2. Ông (bà)đượcphiếu ; =%

Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản, có chữ ký của các thành viên Tổ kiểm phiếu và 02 người chứng kiến việc kiểm phiếu. Biên bản này được gửi tới Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận thôn (tổ dân phố).

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁC THÀNH VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)

UBND XÃ/PHƯỜNG....
THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Mẫu số 3/BBCH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày tháng năm

BIÊN BẢN (KẾT LUẬN) CUỘC HỌP

Hôm nay, vào hồi.... giờ.....phút, ngày.....thángnăm, tại.....đã tổ chức cuộc họp...
về việc.....

I. Thành phần tham dự:

1. Chủ trì: Ông/Bà Chức vụ:

2. Thư ký: Ông/Bà Chức vụ:

3. Thành phần khác:

- Khách mời:

- Số hộ gia đình có mặt:

- Số hộ gia đình vắng mặt:

II. Cuộc họp đã tiến hành với các nội dung sau

1.....

2.....

III. Các ý kiến phát biểu, thảo luận

1.....

2.....

IV. Biểu quyết, phát phiếu (nếu có):

1. Đối với hình thức biểu quyết giơ tay

- Số hộ gia đình có mặt, bằng.....%

- Vắng.....người có lý do.

- Kết quả biểu quyết như sau:

- Ông (bà).....đượcngười đồng ý/.....người, bằng.....%

- Ông (bà).....đượcngười đồng ý/.....người, bằng.....%

2. Đối với hình thức bỏ phiếu kín

- Tổng số hộ gia đìnhngười

- Tổng số hộ gia đình có mặt, bằng.....%

- Vắng.....người có lý do.

- Tổng số phiếu: phiếu

- Số phiếu phát ra.....phiếu

- Số phiếu thu về.....phiếu

- Số phiếu hợp lệ: phiếu

- Số phiếu không hợp lệ: phiếu

3. Kết quả kiểm phiếu

- Ông (bà).....được/..... phiếu, bằng.....%

- Ông (bà).....được/..... phiếu, bằng.....%

Căn cứ vào quy định thể lệ bầu cử, ông (bà).....đã trúng cử.....

V. Kết luận cuộc họp

.....

Cuộc họp kết thúc vào lúc giờ ngày tháng năm, nội dung cuộc họp đã được lập thành 03 bản (có chữ ký của chủ trì và thư ký cuộc họp). Biên bản này được gửi tới UBND xã, phường, thị trấn, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban Công tác Mặt trận thôn (tổ dân phố).

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ
(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND XÃ/PHƯỜNG....
THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Mẫu số 4/BBKP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày tháng năm

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU LẤY Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH
(Về việc.....)

Hôm nay, ngày tháng năm 202...., Tổ phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình tại thôn (tổ dân phố).....gồm các ông, bà có tên sau:

1. Ông (bà) Tổ trưởng
2. Ông (bà) Thư ký
3. Ông (bà) Thành viên
4. Ông (bà) Thành viên
5. Ông (bà) Thành viên

Đã tiến hành kiểm phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình, trước khi Tổ kiểm phiếu mở hòm phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố kết thúc việc lấy phiếu và mời đại diện 02 hộ gia đình không phải là người ứng cử chứng kiến việc kiểm phiếu gồm:

1. Ông (bà).....
2. Ông, (bà).....

Kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến hộ gia đình như sau:

- Tổng số đại diện hộ gia đình của thôn (tổ dân phố).....
- Số đại diện hộ gia đình tham gia lấy phiếu, bằng.....% tổng số hộ gia đình.
- Vắng người có lý do.
- Số phiếu phát ra : phiếu
- Số phiếu thu về : phiếu
- Số phiếu hợp lệ : phiếu
- Số phiếu không hợp lệ : phiếu

Kết quả cụ thể :

1. Số phiếu đồng ý:.....phiếu..... chiếm tỷ lệ..... %
2. Số phiếu không đồng ý:.....phiếu chiếm tỷ lệ..... %
3. Các ý kiến khác:.....

Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản, có chữ ký của các thành viên Tổ kiểm phiếu và 02 người chứng kiến việc kiểm phiếu để gửi tới Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng Ban công tác Mặt trận và Trưởng thôn (Tổ trưởng tổ dân phố) giữ 01 bản.

TỔ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CÁC THÀNH VIÊN TỔ BẦU CỬ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC...
BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN....

Mẫu số 5/BBHT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày tháng năm

BIÊN BẢN HIỆP THƯƠNG

Danh sách dự kiến những người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố (Nhiệm kỳ...)

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....phút,....ngàythángnăm 202....., tại ... Ban Công tác Mặt trận thôn... tổ dân phố... tiến hành cuộc họp Ban Công tác Mặt trận thôn (tổ dân phố) hiệp thương danh sách dự kiến những người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để đưa ra cuộc họp của cộng đồng dân cư bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố (Nhiệm kỳ...)

1. Thành phần cuộc họp

- Tổng số người tham dự:.....người
- Số người có mặt:người, vắng.....có lý do.

2. Nội dung cuộc họp

- Ông/bà..... Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn (tổ dân phố).....công bố danh sách những người được Ban Công tác Mặt trận thôn (tổ dân phố)....và đại diện hộ gia đình giới thiệu, người tự ứng cử (nếu có) Trưởng thôn (Tổ trưởng tổ dân phố)(Nhiệm kỳ...)

- Căn cứ tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và điều kiện ứng cử theo quy định, quy chế tổ chức và hoạt động của thôn (tổ dân phố).....; cuộc họp thảo luận, nhận xét và ấn định danh sách dự kiến những người ứng cử Trưởng thôn (Tổ trưởng tổ dân phố)để hộ gia đình của thôn (tổ dân phố).....bầu (có danh sách trích ngang kèm theo).

1. Ông (bà)

2. Ông (bà)

Cuộc họp kết thúc vào lúc giờ ngày tháng năm, nội dung cuộc họp đã được lập thành 03 bản (có chữ ký của chủ trì và thư ký cuộc họp). Biên bản này được gửi tới UBND xã, phường, thị trấn, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban Công tác Mặt trận thôn (tổ dân phố).

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ

(Ký, ghi rõ họ tên)